

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 14 – 9 - 2023

*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu.

2. Ông Trịnh Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm: 1994.

ĐKKHKT: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn D, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị N, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/7/2023, bản tự khai ngày 09/8/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hoàng Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Vũ Văn D kết hôn với nhau do tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 8 tháng, có đăng ký kết hôn ngày 06/8/2015 tại UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm, đến tháng 02 năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, cuộc sống hôn nhân không mấy hạnh phúc. Mặt khác anh D còn ham chơi bài bạc, nợ nần. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên phân tích khuyên can hoà giải nhưng không thành. Tháng 02/2022 chị đã làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết Toà án đã hoà giải, phân tích cho vợ chồng quay về đoàn tụ, chị đã cho anh D có cơ hội làm lại, nên rút đơn ly hôn. Nhưng sau khi về đoàn tụ, anh D vẫn không thay đổi được, mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng T, sinh ngày 28/3/2016 và cháu Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 23/01/2019. Hiện nay cháu Vũ Thị Hoàng Y đang ở với chị, cháu Vũ Hoàng T đang ở với anh D. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi Vũ Thị Hoàng Y, giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hoàng T. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 14/9/2023 bị đơn là anh Vũ Văn D trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị N kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 06/8/2015 tại UBND xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 04 năm, đến tháng 02/2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình hai bên phân tích khuyên can hoà giải nhưng không thành. Tháng 02/2022 chị N đã làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết Toà án đã hoà giải, phân tích cho vợ chồng quay về đoàn tụ, nên chị N đã rút đơn ly hôn. Vợ chồng về đoàn tụ nhưng cuộc sống vợ chồng không thay đổi được. Vì vậy, chị N đã về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 4/2022. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị N xin ly hôn, anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị N, anh mong muốn chị N về đoàn tụ, nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng T, sinh ngày 28/3/2016 và cháu Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 23/01/2019. Hiện nay, cháu Vũ Hoàng T đang ở với anh, cháu Vũ Thị Hoàng Y đang ở với chị N. Nếu phải ly hôn, anh chấp nhận nuôi dưỡng cháu Vũ Hoàng T, giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Hoàng Y. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Vũ Văn D. Về con chung: Giao cháu Vũ Hoàng T, sinh ngày 28/3/2016 cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 23/01/2019. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

+ Kiến nghị khắc phục vi trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị N và anh D là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là anh Vũ Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh D là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị N và anh D đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 đến nay. Chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn đề nghị được ly hôn. Anh D anh xét thấy vẫn còn tình cảm với chị N, anh mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng được hai bên thừa nhận là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, cuộc sống hôn nhân không mấy hạnh phúc. Tháng 02/2022, chị N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Sau khi được Tòa án hòa giải đoàn tụ, chị N đã rút đơn, vợ chồng quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ sống chung được thời gian ngắn thì mâu thuẫn vợ chồng lại xảy ra mức độ trầm trọng hơn. Hai bên sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh D xác định còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, anh D không có thiện chí níu kéo hạnh phúc gia đình. Điều đó thể hiện không đến Tòa án để Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ. Ngày 14/9/2023, Tòa án mở phiên tòa, anh D đến Tòa án viết bản tự khai, nhưng không tham gia phiên tòa mà xin xét xử vắng mặt. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh D mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được, đời sống chung đã chấm dứt từ lâu, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N được ly hôn anh D là phù hợp.

[4] Về con chung:

Chị N và anh D có 02 con chung là cháu Vũ Hoàng T, sinh ngày 28/3/2016 và cháu Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 23/01/2019. Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Yến, anh D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Thái. HĐXX xét thấy: Nguyện vọng nuôi con của chị N và anh D là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng và nơi ở hiện tại của các con. Vì vậy, chấp nhận ý kiến của hai bên là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh D không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Vũ Văn D.

2. *Về con chung:* Chị N và anh D có 02 con chung. Giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Hoàng T, sinh ngày 28/3/2016. Giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Hoàng Y, sinh ngày 23/01/2019. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N và anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung và công nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, theo Biên lai thu số AA/2022/0001493 ngày 18/7/2023. Chấp nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. *Quyền kháng cáo:* Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã Đ, huyện Yên Định;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng